

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Chính sách của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ chính sách của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Việc xây dựng Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) được đặt ra trên cơ sở thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng, bảo đảm thi hành Hiến pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; được làm việc trong điều kiện an toàn; Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và thực hiện chính sách an sinh xã hội. Đây là cơ sở hiến định quan trọng để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới yêu cầu tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cải thiện điều kiện lao động và xây dựng văn hóa an toàn lao động.

Đồng thời, việc sửa đổi Luật nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới tổ chức bộ máy; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật; phát triển kinh tế tư nhân; hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW, 18-NQ/TW, 57-NQ/TW, 66-NQ/TW, 68-NQ/TW, 42-NQ/TW, 28-NQ/TW và các Kết luận số 121-KL/TW, 137-KL/TW, Nghị quyết số 60-NQ/TW.

Sau khi Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 được ban hành, nhiều

luật có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, như Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Thanh tra năm 2025 cùng nhiều luật chuyên ngành khác. Vì vậy, cần rà soát, sửa đổi Luật An toàn, vệ sinh lao động để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Việt Nam cũng là thành viên của nhiều công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và các hiệp định thương mại tự do có nội dung liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động. Việc sửa đổi Luật góp phần tiếp tục nội luật hóa các cam kết quốc tế, nâng cao mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với các tiêu chuẩn lao động quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau gần 10 năm thi hành, Luật An toàn, vệ sinh lao động đã tạo khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ cho công tác bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao nhận thức của người sử dụng lao động và người lao động; từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước; thúc đẩy công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được triển khai rộng khắp; hoạt động thanh tra, kiểm tra được tăng cường; các dịch vụ huấn luyện, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động được xã hội hóa mạnh mẽ; nhiều doanh nghiệp đã áp dụng hệ thống quản lý an toàn tiên tiến, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các thiết bị thông minh trong nhận diện nguy cơ, giám sát an toàn và cảnh báo rủi ro.

Các chỉ tiêu về an toàn, vệ sinh lao động tiếp tục được cải thiện. Số lượng cơ sở thực hiện chế độ báo cáo tai nạn lao động, số người lao động được quản lý, số mẫu quan trắc môi trường lao động, số người được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp đều tăng đáng kể; tần suất tai nạn lao động chết người trên 100.000 người tham gia bảo hiểm xã hội giảm rõ rệt so với giai đoạn trước khi Luật có hiệu lực.

Tuy nhiên, kết quả tổng kết gần 10 năm thi hành Luật cho thấy nhiều quy định đã bộc lộ hạn chế, bất cập hoặc không còn phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, với một số nội dung chính như sau:

- Một số quy định về quản lý nhà nước không còn phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy hiện hành và yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; trách nhiệm của các cơ quan trong một số lĩnh vực còn giao thoa; cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn, vệ sinh lao động chưa đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại và chuyển đổi số

- Một số quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe người lao động chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quy định về nguyên tắc phòng ngừa, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, ứng cứu khẩn cấp; chăm sóc sức khỏe người lao động; ứng dụng khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác an toàn, vệ sinh lao động còn chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức thực hiện trong giai đoạn mới.

- Chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp còn một số nội dung cần được rà soát, hoàn thiện để phù hợp với sự phát triển của hệ thống bảo hiểm xã hội, phát huy tốt hơn vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro và sử dụng hiệu quả Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Một số quy định của Luật về hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, quan trắc môi trường lao động đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện, cần được rà soát, sửa đổi để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

Bên cạnh những bất cập của Luật hiện hành, bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, tự động hóa, vật liệu mới, phương thức sản xuất mới và các mô hình lao động mới đang làm thay đổi môi trường lao động, phát sinh nhiều nguy cơ và rủi ro mới đối với người lao động. Đồng thời, yêu cầu hội nhập quốc tế, phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đòi hỏi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động tiếp tục được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

Chính vì vậy, mặc dù tần suất tai nạn lao động có xu hướng giảm, song tình hình tai nạn lao động nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng vẫn diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn về người và tài sản¹

Từ những căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) là cần thiết nhằm hoàn thiện thể chế về an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo vệ sức khỏe người lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

¹ vụ tai nạn lao động ngày 03/4/2024 tại Công ty Than Thống Nhất - TKV làm 04 người tử vong; vụ tai nạn lao động ngày 22/4/2024 tại Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái làm 07 người tử vong, 03 người bị thương; vụ tai nạn lao động ngày 01/5/2024 tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gỗ Bình Minh làm 06 người tử vong, 05 người bị thương; vụ tai nạn lao động ngày 13/5/2024 tại Công ty Than Quang Hanh - TKV làm 03 người tử vong, 01 người bị thương; vụ tai nạn lao động ngày 24/01/2025 tại Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 làm 03 người tử vong; vụ tai nạn lao động ngày 25/5/2025 tại Công ty Cổ phần Gạch men Phương Nam làm 02 người tử vong, 03 người bị thương nặng; vụ tai nạn lao động ngày 16/5/2025 tại Dự án Thủy điện Tả Páo Hồ 1A làm 05 người tử vong, 04 người bị thương; vụ tai nạn lao động ngày 29/5/2025 tại Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam làm 02 người tử vong; vụ tai nạn lao động ngày 05/6/2025 tại Dự án Đảo Thiên Trúc thuộc Khu du lịch - Đô thị Sơn Tiên làm 02 người tử vong; vụ tai nạn lao động ngày 28/6/2025 tại Công ty Quốc tế Hợp Pháp làm 06 người tử vong, 02 người bị thương nặng; vụ tai nạn lao động ngày 28/9/2025 tại Công ty Than Dương Huy - TKV làm 03 người tử vong, 02 người bị thương...

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích xây dựng chính sách

Việc xây dựng các chính sách trong Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) nhằm giải quyết những bất cập, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015; đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Thông qua việc xây dựng các chính sách, hoàn thiện các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới; góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo đảm tốt hơn quyền của người lao động được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp và đất nước.

2. Quan điểm xây dựng chính sách

- Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng; bảo đảm tính hợp hiến, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với thực tiễn.

- Thứ hai, lấy người lao động làm trung tâm, lấy phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp làm trọng tâm; tăng cường nhận diện nguy cơ, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dữ liệu trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Thứ ba, hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả phối hợp và tổ chức thi hành pháp luật.

- Thứ tư, phát huy vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của người sử dụng lao động, người lao động, các tổ chức đại diện, tổ chức cung cấp dịch vụ và các chủ thể có liên quan; huy động các nguồn lực hợp pháp tham gia công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Thứ năm, bảo đảm phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi của chính sách

Các chính sách sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động tập trung

vào 04 nhóm nội dung: hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước; tăng cường phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe người lao động tại nơi làm việc; hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động. Theo đó, phạm vi của chính sách bao gồm:

(1) Phân công, phân cấp, phân quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

(2) Các nguyên tắc, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người lao động tại nơi làm việc; khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

(3) Đối tượng tham gia, các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cơ chế quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

(4) Hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; quản lý máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

(5) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người sử dụng lao động, người lao động, tổ chức cung cấp dịch vụ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các nội dung nêu trên.

2. Đối tượng áp dụng của chính sách

Chính sách được áp dụng đối với:

(1) Cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

(2) Người sử dụng lao động; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

(3) Người lao động; người học nghề, tập nghề, thử việc; người lao động không có quan hệ lao động và các đối tượng khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

(4) Tổ chức đại diện người lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác có liên quan.

(5) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động, bao gồm hoạt động huấn luyện, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, quan trắc môi trường lao động, khám bệnh nghề nghiệp, tư vấn an toàn, vệ sinh lao động và các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

(6) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính

sách, bao gồm tổ chức nghiên cứu, đào tạo, khoa học và công nghệ; tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động về an toàn, vệ sinh lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Bộ Nội vụ đã tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động; nhất là các chủ trương, đường lối mới của Đảng trong các nghị quyết quan trọng về xây dựng và hoàn thiện pháp luật, hội nhập quốc tế, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia...

Kết quả đánh giá cho thấy các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 là Luật hướng dẫn cụ thể Điều 35 của Hiến pháp 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) về quyền cơ bản của con người, của công dân, đã đưa ra các quy định nhằm đảm bảo quyền được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, sức khỏe.

2. Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương tổ chức tổng kết việc thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động. Kết quả thi hành Luật được tổng kết, đánh giá trong thời gian gần 10 năm từ ngày Luật có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2016). Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ tổ chức nghiên cứu các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kinh nghiệm pháp luật nước ngoài để tham khảo, xây dựng các chính sách của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi).

Kết quả rà soát cho thấy các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 về cơ bản phù hợp với các Công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) mà Việt Nam đã phê chuẩn hoặc gia nhập có liên quan đến lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

Các nguyên tắc cơ bản về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thanh tra lao động; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; bảo vệ lao động nữ, lao động chưa thành niên và các nhóm lao động dễ bị tổn thương; sự tham gia của người lao động và người sử dụng lao động trong công tác an toàn, vệ sinh lao động đã được nội luật hóa tương đối đầy đủ trong hệ thống pháp luật hiện hành

3. Bộ Nội vụ đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn chính sách:

- Gửi lấy ý kiến bằng văn bản đối với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đối với Hồ sơ dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi). Đồng thời, đăng tải Hồ sơ dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) lên cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ xin ý kiến rộng rãi.

- Tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách ngày 15/6/2026 với sự tham gia của các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

và các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Hiệp, hội, tập đoàn doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chính sách dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi), tổ chức ngày 30/6/2026.

- Trên cơ sở các ý kiến tham vấn chính sách², Bộ Nội vụ đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách; tiến hành hoàn thiện hồ sơ chính sách và Dự thảo Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) và bản so sánh Luật hiện hành và Luật sửa đổi.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1. Hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

a) Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề:

- Một số quy định về trách nhiệm, thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động chưa phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương hiện hành.

Nguyên nhân: Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 được xây dựng trong bối cảnh mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương khác với hiện nay. Việc thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và ban hành các luật mới về tổ chức bộ máy nhà nước đã làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà nước, đòi hỏi phải rà soát, sửa đổi các quy định về phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Cơ chế tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động chưa đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

Nguyên nhân: Một số quy định của Luật hiện hành chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để phù hợp với yêu cầu đổi mới phương thức quản lý nhà nước, pháp luật về thanh tra và các quy định pháp luật có liên quan; cơ chế phối hợp và sự tham gia của các cơ quan, tổ chức trong công tác an toàn, vệ sinh lao động chưa được quy định đầy đủ, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

b) Mục tiêu của chính sách:

Chính sách được xây dựng nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Mục tiêu cụ thể như sau:

² Đến nay, đã nhận được ý kiến 28/34 Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam, VCCI và 12 Bộ.

- Bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

- Đổi mới cơ chế tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

c) Nội dung của chính sách:

- Hoàn thiện cơ chế xác định trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước và phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương, bao gồm:

- + Hoàn thiện cơ chế quy định trách nhiệm quản lý nhà nước theo hướng Luật quy định nguyên tắc, Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước.

- + Hoàn thiện quy định về xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

- + Hoàn thiện quy định về Hội đồng quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cấp tỉnh.

- Hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; bao gồm:

- + Hoàn thiện quy định kiểm tra chuyên ngành trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

- + Hoàn thiện quy định về khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương hiện hành³;

- + Hoàn thiện vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tuyên truyền, giám sát, phối hợp và tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

d) Các giải pháp thực hiện chính sách:

- Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định hiện hành

- Giải pháp 2. Hoàn thiện một số quy định về quản lý nhà nước để phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước

- Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước.

đ) Giải pháp lựa chọn: Lựa chọn Giải pháp 3.

Giải pháp 3 khắc phục đồng bộ các bất cập của Luật hiện hành, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ chủ động phân định và điều chỉnh thẩm quyền

³ Để phù hợp kết cấu Luật, một số vướng mắc sẽ giải quyết tại Nghị định, chẳng hạn như trong phối hợp điều tra tai nạn lao động giữa cơ quan công an và Đoàn điều tra tai nạn lao động (khâu khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai – tường trình của nạn nhân và những người liên quan; khâu cung cấp, bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động từ cơ quan công an cho Đoàn điều tra tai nạn lao động) ...

giữa các cấp chính quyền phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và điều kiện thực tiễn. Giải pháp không phân cấp ngay các nhiệm vụ chuyên ngành cho cấp xã nhưng mở cơ chế để thực hiện phân cấp theo lộ trình khi đáp ứng các điều kiện về tổ chức bộ máy, nhân lực và hạ tầng số. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính ổn định trong giai đoạn chuyển tiếp, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước trong dài hạn, không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không tăng biên chế và không phát sinh thủ tục hành chính mới. Vì vậy, đây là giải pháp tối ưu được lựa chọn.

2. Chính sách 2. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe người lao động tại nơi làm việc.

a) Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề:

- Một số quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa theo kịp yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

Nguyên nhân: Chưa quy định các nguyên tắc và cơ chế khuyến khích áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác an toàn, vệ sinh lao động; chưa thiết lập cơ chế phối hợp để xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động phục vụ quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Một số quy định về chăm sóc sức khỏe người lao động tại nơi làm việc còn bộc lộ vướng mắc trong quá trình thực hiện

Nguyên nhân: Quy định về khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp còn được thiết kế chung, chưa phân định rõ; một số quy định về chăm sóc sức khỏe người lao động chưa được rà soát, cập nhật để bảo đảm thống nhất với pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và phù hợp với yêu cầu thực tiễn; chưa có quy định về chăm sóc sức khỏe đối với người lao động đã mắc bệnh nghề nghiệp; nội dung nâng cao sức khỏe người lao động chưa được thể hiện đầy đủ trong một số quy định của Luật.

b) Mục tiêu của chính sách:

- Nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động.

- Nâng cao hiệu quả bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động tại nơi làm việc, góp phần phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và bảo đảm sức khỏe người lao động trong suốt quá trình làm việc.

c) Nội dung của chính sách:

- Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng lấy phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp làm trọng tâm: Hoàn thiện nguyên tắc, chính sách và các khái niệm cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động; khuyến khích áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, khoa học, công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác an toàn, vệ sinh lao động; hoàn thiện cơ sở pháp lý về phối hợp trong tạo lập, cập nhật, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác các cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Hoàn thiện các quy định về chăm sóc sức khỏe người lao động theo hướng phù hợp với chủ trương bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động: hoàn thiện quy định về khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo hướng phân định rõ mục đích, đối tượng và nội dung của từng hoạt động; bổ sung quy định về chăm sóc sức khỏe đối với người lao động đã mắc bệnh nghề nghiệp; bổ sung trách nhiệm của các tổ chức có liên quan trong việc tham gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động.

d) Các giải pháp thực hiện chính sách:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành.
- Giải pháp 2: Hoàn thiện một số quy định để xử lý các bất cập, vướng mắc trực tiếp
- Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

đ) Giải pháp lựa chọn: Lựa chọn Giải pháp 3.

Giải pháp 3 được lựa chọn vì có khả năng xử lý đồng bộ các bất cập về cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Mặc dù phát sinh chi phí đầu tư ban đầu và yêu cầu hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực, nhưng Giải pháp 3 không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới hoặc tăng biên chế; đồng thời tạo nền tảng để đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu và quản trị rủi ro.

Xét tổng thể, lợi ích kinh tế - xã hội, hiệu quả quản lý nhà nước và hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà Giải pháp 3 mang lại lớn hơn đáng kể so với chi phí đầu tư và chi phí tổ chức thực hiện. Đây là phương án tối ưu, đáp ứng đầy đủ mục tiêu của chính sách và phù hợp với chủ trương của Đảng, yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật và xu hướng phát triển trong giai đoạn mới.

3. Chính sách 3. Hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

a) Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề:

- Phạm vi bao phủ của chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Nguyên nhân: Quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (cả bắt buộc và tự nguyện) chưa bao quát một số nhóm đối tượng phát sinh trong thực tiễn như người lao động làm việc theo hợp đồng lao động dưới 01 tháng, người lao động về hưu tham gia lao động theo hợp đồng.

- Một số quy định về chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa còn phù hợp và chưa thống nhất với pháp luật hiện hành

Nguyên nhân: Một số chế độ, điều kiện hưởng và mức hưởng được xây dựng trong bối cảnh kinh tế - xã hội trước đây, đến nay đã bộc lộ những hạn chế nhất định; nhu cầu hỗ trợ phục hồi khả năng lao động, ổn định đời sống và tái hòa nhập thị trường lao động của người lao động ngày càng cao; một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động chưa được sửa đổi đồng bộ với Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024.

- Vai trò của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong công tác phòng ngừa và chia sẻ rủi ro chưa được phát huy đầy đủ.

Nguyên nhân: Phạm vi các hoạt động được Quỹ hỗ trợ còn hẹp, một số chế độ cũng là chi trả sau khi xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (như chế độ khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động); chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để sử dụng Quỹ hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, tư vấn, phục hồi chức năng và nâng cao năng lực phòng ngừa.

b) Mục tiêu của chính sách:

- Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với một số nhóm người lao động phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm phù hợp với quan hệ lao động và khả năng thực hiện.

- Nâng mức hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế phát triển kinh tế - xã hội và cân bằng quỹ.

- Phát huy hiệu quả sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro và bảo vệ người lao động.

c) Nội dung của chính sách:

- Nội dung 1. Hoàn thiện các quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

+ Bổ sung người đang hưởng lương hưu nhưng tiếp tục làm việc theo giao kết hợp đồng lao động và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động dưới 01 tháng;

+ Rà soát, hoàn thiện các quy định về đối tượng tham gia nhằm bảo đảm tính thống nhất với Luật Bảo hiểm xã hội và phù hợp với thực tiễn thị trường lao động.

- Nội dung 2. Hoàn thiện các quy định về chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

+ Hoàn thiện các quy định về điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nâng mức hưởng của người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

+ Rà soát, sửa đổi các quy định về hồ sơ và giải quyết chế độ để bảo đảm thống nhất với Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024;

+ Chuyển một số nội dung về trình tự, thủ tục giải quyết chế độ sang Chính phủ quy định nhằm nâng cao tính ổn định của Luật và tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Nội dung 3. Hoàn thiện cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

+ Mở rộng phạm vi các hoạt động phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được Quỹ hỗ trợ.

+ Hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng Quỹ theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo đảm sử dụng đúng mục đích; đồng thời mở rộng phạm vi chi trả của Quỹ để thực hiện chế độ đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo nguyên tắc đóng - hưởng.

d) Các giải pháp thực hiện chính sách:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành.

- Giải pháp 2: Hoàn thiện một số quy định về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Giải pháp 3: Hoàn thiện đồng bộ chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

đ) Giải pháp lựa chọn: Lựa chọn Giải pháp 3.

Giải pháp 3 được lựa chọn vì là phương án hoàn thiện đồng bộ chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Việc bổ sung người đang hưởng lương hưu có giao kết hợp đồng lao động từ đủ 01 tháng trở lên thuộc diện tham gia bắt buộc phản ánh đúng bản chất quan hệ lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động; đồng thời, cơ chế tham gia tự nguyện đối với người lao động làm việc theo hợp đồng dưới 01 tháng phù hợp với đặc điểm việc làm ngắn hạn và khả năng tổ chức thực hiện. Việc điều chỉnh mức chuẩn góp phần nâng cao mức độ bảo vệ người lao động, trong khi mở rộng nội dung chi từ Quỹ tạo điều kiện chuyển từ cơ chế chủ yếu bù đắp hậu quả sang kết hợp giữa phòng ngừa, phục hồi chức năng và chia sẻ rủi ro.

Giải pháp làm phát sinh chi phí tổ chức thực hiện và tăng nghĩa vụ chi của Quỹ, đồng thời đòi hỏi cơ chế thẩm định, quản lý, giám sát chặt chẽ đối với các nội dung hỗ trợ mới. Tuy nhiên, các tác động này có thể được kiểm soát thông qua đánh giá cân đối Quỹ, quy định rõ điều kiện và mức hỗ trợ, thực hiện theo lộ trình và tăng cường công khai, minh bạch.

Xét tổng thể, Giải pháp này đáp ứng đầy đủ hơn mục tiêu mở rộng diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo vệ người lao động, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và phát huy vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Vì vậy, đây là phương án phù hợp và

được đề xuất lựa chọn.

4. Chính sách 4. Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

- Một số quy định về hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ và đổi mới phương thức quản lý nhà nước

Nguyên nhân: Một số quy định về huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tăng cường hậu kiểm và quản lý dựa trên mức độ rủi ro; Nguyên tắc quản lý đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động chưa được quy định đầy đủ theo mức độ rủi ro; chưa phân định rõ phạm vi quản lý giữa Luật An toàn, vệ sinh lao động và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để quản lý và phát triển

Nguyên nhân: Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 chưa quy định rõ hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động là một loại hình dịch vụ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

b) Mục tiêu của chính sách:

- Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động; đổi mới phương thức quản lý theo hướng quản lý rủi ro, tăng cường hậu kiểm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Phát huy vai trò của hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động trong hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, cải thiện điều kiện lao động và tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

c) Nội dung của chính sách:

- Đổi mới cơ chế quản lý đối với hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động:

+ Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo hướng mở rộng chủ thể cung cấp dịch vụ, tăng cường hậu kiểm, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hoàn thiện cơ chế quản lý.

+ Hoàn thiện quy định về quản lý máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng quản lý dựa trên mức độ rủi ro, phân định rõ với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật chuyên ngành, đồng thời rà soát các quy định về khai báo, kiểm định và các nội dung kỹ thuật để giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động: Luật quy định nguyên tắc về hoạt động tư vấn; giao Chính phủ quy định điều kiện hoạt động của tổ chức và tiêu chuẩn đối với cá nhân thực hiện hoạt

động tư vấn.

d) Các giải pháp thực hiện chính sách:

- Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành
- Giải pháp 2: Hoàn thiện một số quy định về hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động
- Giải pháp 3: Hoàn thiện đồng bộ chính sách đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động

đ) *Giải pháp lựa chọn*: Lựa chọn Giải pháp 3.

Giải pháp này xử lý đồng bộ hai nhóm vấn đề của chính sách. Giải pháp vừa sửa đổi cơ chế quản lý các hoạt động huấn luyện, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt theo hướng dựa trên mức độ rủi ro, mở rộng chủ thể cung cấp dịch vụ và tăng cường hậu kiểm; vừa ghi nhận hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động đã tồn tại trong thực tiễn, tạo cơ sở pháp lý để quản lý thống nhất.

Giải pháp tạo điều kiện huy động nguồn lực xã hội, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ của doanh nghiệp và phân định rõ hơn phạm vi điều chỉnh giữa Luật An toàn, vệ sinh lao động với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Việc cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh thuê tổ chức tư vấn khi không bố trí được người hoặc bộ phận an toàn, vệ sinh lao động cũng tạo thêm phương thức thực hiện nghĩa vụ phù hợp với điều kiện của từng cơ sở.

Giải pháp có thể làm phát sinh chi phí xây dựng văn bản hướng dẫn, điều chỉnh quy trình quản lý, đào tạo nhân lực và tăng cường hậu kiểm; đồng thời một số tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện chi phí chuyển đổi hoặc thuê tư vấn. Tuy nhiên, các chi phí này có thể được kiểm soát thông qua việc quy định rõ điều kiện, tiêu chuẩn, trách nhiệm, thủ tục và lộ trình thực hiện.

Xét tổng thể, Giải pháp 3 đáp ứng đầy đủ hơn mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, đổi mới phương thức quản lý nhà nước và tạo cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Căn cứ theo nội dung thẩm định.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành

Các chính sách đề xuất trong dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) chủ yếu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định hiện hành nhằm khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình thi hành Luật và bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới; không làm phát sinh việc thành lập tổ chức mới hoặc tăng biên chế trong các cơ quan nhà nước.

Nguồn nhân lực thực hiện chủ yếu là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có của các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương; đội ngũ người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp và các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động. Để triển khai thi hành Luật, các cơ quan có thẩm quyền tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và tập huấn nghiệp vụ. Trường hợp tổ chức tập huấn cho khoảng 02 công chức tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã trên phạm vi cả nước, với chi phí bình quân khoảng 01 triệu đồng/người, tổng kinh phí ước khoảng 10 tỷ đồng cho một đợt tập huấn và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Đối với chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, việc mở rộng các hoạt động hỗ trợ phòng ngừa và nâng mức hưởng một số chế độ được bảo đảm từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động. Trường hợp sử dụng tối đa 10% số thu của Quỹ để hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa theo quy định hiện hành, kinh phí hỗ trợ năm 2026 ước khoảng 750 tỷ đồng. Theo phương án giả định tăng 20% mức hưởng một số chế độ, số chi của Quỹ ước tăng khoảng 50 tỷ đồng/năm. Tổng nhu cầu tăng chi ước khoảng 800 tỷ đồng/năm, tương đương khoảng 10,7% số thu của Quỹ năm 2026 (ước khoảng 7.500 tỷ đồng). Với quy mô kết dư và khả năng cân đối thu - chi hiện nay, Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có đủ khả năng bảo đảm nguồn lực để thực hiện các chính sách này.

Kinh phí thực hiện Luật được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện bảo đảm hiện có của các cơ quan, tổ chức cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các chính sách của Luật.

Đối với các nội dung liên quan đến ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động, việc triển khai được thực hiện trên cơ sở kế thừa, khai thác, kết nối và nâng cấp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có theo lộ trình phù hợp, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh đầu tư trùng lặp. Theo ước tính sơ bộ, tổng nhu cầu đầu tư để triển khai đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành đối với các cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động khoảng 300 tỷ đồng cho phần mềm, chưa bao gồm chi phí đầu tư phần cứng, hạ tầng kỹ thuật, chi phí vận hành, duy trì, bảo trì và nâng cấp hàng năm. Tuy nhiên, đây là nhu cầu đầu tư để triển khai các quy định của pháp luật hiện hành; việc bổ sung các quy định trong dự thảo Luật không làm phát sinh nhu cầu đầu tư mới mà chủ yếu hoàn thiện cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ đã được xác định. Việc đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật (nếu có) được

thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước.

Trên đây là Tờ trình chính sách Luật an toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi), Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

1. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
2. Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách;
3. Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động;
4. Báo cáo so sánh các quy định pháp luật hiện hành với Luật An toàn, vệ sinh lao động;
5. Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách;
6. Bảng tổng hợp ý kiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, Cục VL (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Khương